

# HIỆU QUẢ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ CÁC CHỈ TIÊU ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC CÔNG LẬP TỰ CHỦ Ở VIỆT NAM

## FINANCIAL MANAGEMENT EFFICIENCY AND FINANCIAL EFFICIENCY ASSESSMENT CRITERIA IN VIETNAM PUBLIC UNIVERSITY EDUCATION INSTITUTIONS

Đinh Thị Kim Xuyên<sup>1</sup>, Ngô Thế Chi<sup>2</sup>

<sup>1</sup> Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

<sup>2</sup> Học viện Tài chính,

Đến Tòa soạn ngày 02/06/2021, chấp nhận đăng ngày 15/06/2021

**Tóm tắt:** Quản lý tài chính trong các tổ chức kinh tế - xã hội cũng như trong các cơ sở giáo dục đại học tự chủ đã và đang là vấn đề thời sự cấp thiết trong giai đoạn hiện nay. Bài viết trình bày và phân tích các quan điểm về quản lý tài chính trong các cơ sở giáo dục đại học công lập tự chủ, các công cụ quản lý tài chính và các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả quản lý tài chính trong các cơ sở giáo dục đại học tự chủ ở Việt Nam.

**Từ khóa:** hiệu quả quản lý tài chính, cơ sở giáo dục đại học, công cụ quản lý tài chính.

**Abstract:** Financial management in socio-economic organizations as well as in autonomous higher education institutions has been and is an urgent topical issue in the current period. The article presents and analyzes the views on financial management in autonomous public higher education institutions, financial management tools and indicators reflecting the effectiveness of financial management in institutions. autonomous higher education institution in Vietnam.

**Keywords:** effective financial management, higher education institutions, financial management tools, financial performance indicators.

### 1. QUAN ĐIỂM VỀ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC CÔNG LẬP TỰ CHỦ

Hiện nay, có nhiều quan điểm khác nhau về quản lý tài chính trong các cơ sở giáo dục đại học, điển hình là các nghiên cứu sau:

Theo Kaplan (2001), quản lý tài chính giáo dục đại học phải theo kiểu doanh nghiệp, có sự kiểm soát của đối tượng thụ hưởng. Theo tác giả này, nguồn tài chính của các cơ sở giáo dục đại học đều có nguồn gốc từ người dân dù

là do ngân sách nhà nước (NSNN) cấp hay người học trả học phí, bởi NSNN chủ yếu là tiền thuế của dân đóng góp. Trong giới hạn nguồn NSNN, các cơ sở giáo dục đại học có thể tự quyết định việc phân phối các nguồn lực mà không cần sự phê duyệt của các bộ liên quan nhưng lại cần phải có sự giám sát của đối tượng thụ hưởng nó. Quyền tự chủ phải đi đôi với sự minh bạch về tài chính. Cũng theo tác giả thì mặc dù các cơ sở giáo dục đại học công lập là tổ chức phi lợi nhuận nhưng họ cũng có nhiều hoạt động kinh tế, do

đó cần phải áp dụng một phần mô hình quản lý tài chính của các doanh nghiệp.

Theo Arthur M. Hauptman (2006), việc cung cấp tài chính cho giáo dục đại học được xác định dựa trên quy mô và chất lượng của từng cơ sở, cần phải minh bạch trong trách nhiệm phân bổ tài chính, phương thức giao trách nhiệm và hỗ trợ tài chính. Những vấn đề tài chính trọng yếu của giáo dục đại học ở tất cả các nước bao gồm: cơ sở phân bổ tài chính, chất lượng và tính minh bạch trong cung cấp tài chính giáo dục, sự tồn tại trong việc đánh giá tình hình sử dụng nguồn tài chính bởi những đối tượng hưởng thụ [7].

Theo UNICEF (2000) đưa ra 3 nội dung chính trong huy động nguồn lực tài chính và quản lý, kiểm soát tài chính cho giáo dục đại học, bao gồm: Nguồn thu tài chính được bổ sung từ các nguồn đóng góp của phụ huynh ngoài tài trợ của Chính phủ; các chính sách, văn bản hướng dẫn chi trả các nguồn đóng góp của phụ huynh; việc sử dụng đúng mục đích các nguồn thu bổ sung từ phụ huynh các cơ sở giáo dục đại học. Tổ chức này cũng có kiến nghị với Chính phủ các nước, nhất là các nước có nền giáo dục phát triển nhanh về những vấn đề sau: cần phải có khung pháp lý rõ ràng, minh bạch về quản lý tài chính trong giáo dục đại học; đưa mô hình kiểm soát tài chính trong trường học sát với mô hình kiểm soát các doanh nghiệp hoạt động phi lợi nhuận và coi khoản chênh lệch giữa thu và chi của các trường là lợi nhuận công, phân bổ cho tất cả sinh viên (thông qua học bổng) và giảng viên trong trường được hưởng thụ (thu nhập của giảng viên và nhân viên). Đồng quan điểm trên, nhiều tác giả cũng cho rằng, tài chính giáo dục đại học không thể do Chính phủ tài trợ hoàn toàn theo chi phí đơn vị; Người tiêu dùng giáo dục đại học phải được cung cấp thông tin tài chính một cách cụ thể mà họ đã

đóng góp cho nhà trường theo định hướng thị trường.

Từ sự phân tích các quan điểm trên có thể khẳng định rằng, bản chất của quản lý tài chính trong mọi tổ chức đều có những nội dung tương tự nhau. Song, do tính đặc thù của mỗi ngành nên quản lý có những nét đặc thù.

Trong bối cảnh tự chủ, về mặt tài chính, các cơ sở giáo dục đại học phải tự đảm bảo nguồn thu; tự cân đối thu - chi, đảm bảo bù đắp chi phí và có tích lũy, quản lý tài chính tương tự như một doanh nghiệp. Tự chủ tài chính trong các cơ sở giáo dục đại học công lập có thể được hiểu là việc các cơ sở này được quyền quyết định hoạt động tài chính nhằm mục tiêu cuối cùng là đảm bảo thu đủ bù đắp chi phí tương ứng với việc đảm bảo chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học hướng tới bền vững về tài chính. Theo GS Nguyễn Minh Thuyết, khái niệm về quyền tự chủ đại học *“là quyền của cơ sở giáo dục đại học quyết định sứ mạng và chương trình hoạt động của mình, cách thức và phương tiện thực hiện sứ mạng và chương trình hoạt động đó, đồng thời tự chịu trách nhiệm trước công chúng và pháp luật về mọi quyết định cũng như hoạt động của mình”* [4].

Trong bối cảnh đó, quản lý tài chính tại các cơ sở giáo dục đại học được giao tự chủ phải hướng tới bền vững tài chính để đảm bảo được mục tiêu phát triển. Nội dung quản lý tài chính tại các cơ sở giáo dục đại học phải bao gồm: Quản lý huy động các nguồn lực tài chính; quản lý, phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính và kiểm soát tài chính.

### **1.1 Quản lý huy động các nguồn lực tài chính**

Trên góc độ quản lý tài chính của cơ sở giáo dục đại học thực hiện tự chủ thì nguồn lực tài

chính, bao gồm: Nguồn thu từ học phí; nguồn thu từ các hoạt động dịch vụ (dịch vụ đào tạo, NCKH và chuyển giao công nghệ, dịch vụ sản xuất kinh doanh và nguồn thu khác (các nguồn tài trợ, biếu tặng của tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước...). Nguồn lực tài chính càng mạnh, nhà trường càng có điều kiện cho đầu tư phát triển và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, giảng viên và nhân viên của trường.

Trong giai đoạn hiện nay, ở Việt Nam xu hướng phân bổ NSNN cho giáo dục đại học là chuyển dần từ việc phân bổ dựa trên cơ sở “đầu vào” sang phân bổ dựa trên cơ sở “kết quả đầu ra”.

**Nguồn thu học phí:** Học phí là khoản thu của người học do nhà trường đã cung cấp dịch vụ đào tạo cho họ. Hiện nay, mức học phí thường được xác định trên cơ sở mức trần học phí do nhà nước quy định cho từng thời gian nhất định. Thời gian tới, các cơ sở giáo dục đại học tự chủ tài chính phải xác định được giá dịch vụ đào tạo trên nguyên tắc bù đủ chi phí và có lợi nhuận.

**Nguồn thu ngoài NSNN:** Ngoài nguồn thu từ học phí, các cơ sở đào tạo đều chú trọng đến các nguồn thu khác ngoài học phí để tăng thêm nguồn thu phục vụ cho hoạt động và đầu tư phát triển của nhà trường. Các nguồn thu này bao gồm: Thu từ các hoạt động đào tạo mang tính cung cấp dịch vụ đào tạo; thu từ các hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; thu từ hoạt động hỗ trợ đào tạo và sản xuất kinh doanh, dịch vụ; thu từ các khoản đầu tư của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước; thu từ các khoản tài trợ, biếu tặng của các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước...

Việc quản lý huy động nguồn thu ngoài NSNN cũng cần phải tuân thủ nguyên tắc nhất

định, bao gồm:

- Nguyên tắc tuân thủ pháp luật: Theo nguyên tắc này, mọi khoản thu trong cơ sở giáo dục đại học đều phải tuân thủ theo quy định của pháp luật
- Nguyên tắc quản lý tập trung, thống nhất: Theo nguyên tắc này, tất cả nguồn thu đều được tập trung, thống nhất tại phòng chức năng quản lý về tài chính là Phòng Tài chính kế toán.
- Nguyên tắc phản ánh đầy đủ, minh bạch các khoản thu: Theo nguyên tắc này, tất cả các khoản thu chi đều phải được công khai, minh bạch và thực hiện theo quy chế nội bộ;
- Nguyên tắc bắt buộc thực hiện nghĩa vụ thuế: các khoản thu của cơ sở đào tạo phải có tách nhiệm và nghĩa vụ nộp thuế cho nhà nước theo quy định của pháp luật.

## 1.2 Quản lý, phân bổ và sử dụng các nguồn lực tài chính

Quản lý, phân bổ và sử dụng nguồn lực tài chính trong các cơ sở giáo dục đại học phải được thực hiện theo từng mục tiêu hoạt động và phát triển của nhà trường.

Theo Massy(1996) có 3 yếu tố để phân bổ nguồn lực tài chính hiệu quả nhất, đó là: *Thứ nhất*, hệ thống hướng dẫn chỉ tiêu trong các cơ sở giáo dục đại học nên dựa vào thị trường và giá trị nội tại của cơ sở; *Thứ hai*, liên quan đến sự công nhận và quản lý sự đa dạng của các giá trị nội tại trong cơ sở giáo dục đại học, xem xét vai trò của lợi ích cá nhân, chuyển hướng các nguồn lực ra khỏi các mục tiêu thể chế; *Thứ ba*, liên quan đến việc quản lý sự phức tạp của cải cách phân bổ nguồn lực tài chính nhằm chuyển phân bổ nguồn lực từ các đơn vị tổ chức trung tâm truyền thống sang các đơn vị phân cấp.

Theo Oluwole Solanke và Lateef Olatunji (2015), phân bổ nguồn lực nội bộ trong các cơ sở giáo dục đại học có tầm quan trọng rất lớn bởi việc này liên quan đến sự hài lòng của các bộ phận khác nhau trong nhà trường thông qua nguồn lực mà các bộ phận này nhận được. [9].

Theo Herbst (2007) thì các nguồn lực được phân bổ căn cứ vào nhu cầu nhưng lại bị hạn chế bởi nguồn lực có hạn và sự tác động của chính sách và quy định tài khóa. Tác giả này còn nhấn mạnh rằng, các nguồn quỹ được rót vào các hệ thống hoặc tổ chức với mục đích tài trợ cho cơ sở hàng năm phải được phân bổ xuống các cấp nhỏ hơn. Việc phân bổ nguồn tài chính nội bộ cho thấy tính chất và hiệu suất tài chính của một tổ chức [8].

Đối với nhiều nước trên thế giới, quyền phân bổ nguồn lực tài chính trong các cơ sở giáo dục đại học được giao cho người đứng đầu cơ sở này trong khuôn khổ pháp luật, quy định các nguyên tắc quản lý và dưới sự giám sát của nhà nước. Thẩm quyền quyết định các khoản chi sử dụng nguồn tài chính ngoài NSNN của cơ sở giáo dục đại học công lập dựa trên mức độ tự chủ tài chính mà nhà nước đã xác định. Theo đó, mức độ tự chủ lớn nhất có thể thực hiện là các cơ sở giáo dục đại học được quyền quyết định mọi khoản chi của đơn vị trên cơ sở tuân thủ pháp luật. Đây cũng là xu hướng tất yếu của sự phát triển các đại học công lập hiện nay ở Việt nam.

**Kiểm soát tài chính:** Kiểm soát tài chính có liên quan mật thiết với quản lý tài chính. Kiểm soát tài chính có vai trò quan trọng trong việc ra quyết định của nhà quản lý, là một trong các chức năng của quản lý, bao gồm: xác định mục tiêu và lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, phối hợp, kiểm soát. Thông qua kiểm soát, nhà quản lý có thể thấy được những bất cập trong hệ thống tổ chức để đề ra các biện pháp điều chỉnh kịp thời.

Theo quan điểm kiểm soát là một chức năng của quản lý, tác giả Nguyễn Quang Quỳnh cho rằng “Kiểm soát không phải là một pha hay một giai đoạn của quá trình quản lý mà là một chức năng không thể tách rời của quản lý. Trong suốt quá trình quản lý, kiểm soát luôn tồn tại trước, trong và sau mỗi hoạt động, định hướng hoặc tổ chức để thực hiện hoặc điều chỉnh mỗi hoạt động đó” [5]. Tác giả Nguyễn Thị Phương Hoa, cho rằng, kiểm soát là quá trình đo lường, đánh giá và tác động lên đối tượng kiểm soát nhằm đảm bảo mục tiêu, kế hoạch của tổ chức được thực hiện một cách có hiệu quả” [1].

Như vậy có thể thấy rằng, kiểm soát tài chính là một quá trình không thể tách rời với quản lý tài chính nhằm đảm bảo thúc đẩy việc thực hiện kế hoạch của đơn vị; đảm bảo tính tuân thủ và tính chính xác trong hạch toán, quản lý tài chính, thực hành tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn tài chính.

## **2. CÁC CÔNG CỤ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH TẠI CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC CÔNG LẬP TỰ CHỦ**

**Dự toán ngân sách:** là quá trình phân tích, đánh giá giữa khả năng và nhu cầu về các nguồn lực tài chính của đơn vị để xây dựng các chỉ tiêu hàng năm một cách có căn cứ khoa học và thực tiễn. Dự toán ngân sách xác định các nguồn tài chính và định hướng phân bổ sử dụng các nguồn đó. Các cơ sở giáo dục đại học công lập chưa thực hiện tự chủ nhận dự toán từ Bộ chủ quản và thực hiện việc giao dự toán cho các cơ sở trực thuộc trên cơ sở dự toán đã lập. Đối với các CSGDDH tự chủ việc này do các cơ sở này thực hiện và chịu trách nhiệm.

**Công tác kế hoạch:** Kế hoạch là một trong những công cụ quản lý tài chính quan trọng trong cơ sở giáo dục đại học. Kế hoạch đảm bảo cho việc lập dự toán, phân bổ và giao dự toán ngân sách được thực hiện đúng quy định

và đạt hiệu quả cao. Kế hoạch được các cơ sở giáo dục đại học lập dựa trên căn cứ số liệu chi cho con người, chi quản lý hành chính, chi nghiệp vụ chuyên môn và chi mua sắm, chi sửa chữa, chi xây dựng cơ bản của năm báo cáo để lập.

**Quy chế chi tiêu nội bộ:** Trong quản lý tài chính của cơ sở giáo dục đại học công lập tự chủ, quy chế chi tiêu nội bộ là một công cụ có vai trò đặc biệt quan trọng, đảm bảo cho các khoản thu, chi tài chính được thực hiện theo quy định. Thông qua quy chế chi tiêu nội bộ sẽ thống nhất các nguyên tắc phân bổ, điều tiết, sử dụng kinh phí và các tiêu chuẩn, định mức chi trên cơ sở quy định của pháp luật; thực hiện việc quản lý tập trung, thống nhất các nguồn thu; duy trì và mở rộng nguồn thu, đảm bảo chi tiêu thống nhất, công khai, minh bạch và tiết kiệm.

**Kế toán, kiểm toán:** Trong quản lý tài chính không thể thiếu được kế toán và kiểm toán. Với chức năng ghi nhận, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế tài chính phục vụ công tác điều hành của nhà quản lý, kế toán cung cấp thông tin tin cậy về tài sản và sự biến động của tài sản cũng như quá trình và kết quả hoạt động của đơn vị, từ đó nhà quản lý quyết định phương án tốt nhất để quản lý tài chính. Mặt khác, thông qua kiểm toán, cơ sở giáo dục đại học có thể kiểm tra tình hình thực hiện, tuân thủ các quy định thu chi tài chính, tình hình bảo vệ tài sản và kịp thời ngăn ngừa hiện tượng tham ô, lãng phí hay thất thoát tài sản của đơn vị.

**Hệ thống thanh tra và kiểm tra nội bộ:** Thanh tra và kiểm tra nội bộ đảm bảo cho việc ngăn ngừa các hiện tượng tiêu cực trong thu, chi tài chính của cơ sở giáo dục đại học. Đồng thời, qua thanh tra, kiểm tra nội bộ sẽ kịp thời phát hiện và ngăn ngừa những hành vi sai phạm trong quản lý tài chính.

### 3. HIỆU QUẢ QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ CÁC CHỈ TIÊU PHẢN ÁNH HIỆU QUẢ TÀI CHÍNH TRONG CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO CÔNG LẬP TỰ CHỦ

#### 3.1. Khái niệm về hiệu quả tài chính

Các tác giả Elmes và Witlemon(1988) cũng cho rằng hiệu quả liên quan đến vấn đề *đạt được mục tiêu*. Như vậy, mặc dù với cách diễn đạt khác nhau nhưng hầu hết các tác giả đều cho rằng hiệu quả là khả năng đạt được mục tiêu đã đề ra. Từ đó có thể thấy, hiệu quả quản lý tài chính là khả năng đạt được mục tiêu quản lý tài chính mà CSGDDH đã đề ra. Khi bàn về “hiệu quả quản lý tài chính”, nhiều tác giả cho rằng đó là một chỉ tiêu tổng hợp, phản ánh tình hình huy động vốn, quản lý và sử dụng nguồn vốn trong đơn vị đạt được vượt so với kế hoạch đề ra. Nói cách khác, hiệu quả tài chính phản ánh mối quan hệ lợi ích kinh tế mà đơn vị nhận được và chi phí của đơn vị phải bỏ ra để có được lợi ích đó.

#### 3.2. Các chỉ tiêu phản ánh hiệu quả quản lý tài chính trong cơ sở giáo dục đại học công lập tự chủ

Để phản ánh hiệu lực, hiệu quả quản lý tài chính trong các CSGDDH tự chủ cần phải xác định được các chỉ tiêu đánh giá. Xuất phát từ khái niệm về hiệu lực, hiệu quả quản lý tài chính, nhiều công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã đưa ra các chỉ tiêu đánh giá hay các tiêu chí đánh giá hiệu lực, hiệu quả quản lý tài chính trong các CSGDDH tự chủ. Điển hình là công trình nghiên cứu của Weixing Wang (2010), tác giả này cho rằng “Việc huy động nguồn thu tăng cao giữa thực tế với dự toán là một trong những tiêu chí đánh giá hiệu lực, hiệu quả của một cơ sở giáo dục đại học là tốt...” [10]. Tác giả này còn cho rằng “cơ cấu các khoản chi của CSGDDH cho thấy mức độ đầu tư và phân bổ kinh phí cho các hoạt động của đơn vị đã hợp lý và phù hợp

hay chưa so với mục tiêu hoạt động” và “nếu chỉ tiêu thu lớn hơn chi đạt được hoặc vượt dự toán cũng như thu nhập bình quân của cán bộ, giảng viên và nhân viên trong đơn vị tăng lên sẽ thể hiện hiệu lực, hiệu quả quản lý tài chính của CSGDDH là tốt [10]. Đồng quan điểm trên, tác giả Mohamed Hassan Abdullali (2016), trong công trình nghiên cứu của mình cũng đã cho rằng “Tiêu chí để đánh giá hiệu lực, hiệu quả quản lý tài chính của một trường đại học có nhiều như g tựu chung lại gồm các tiêu chí chủ yếu, đó là, sự đa dạng hóa nguồn thu; sự hợp lý của cơ cấu các khoản chi; khả năng đạt được lợi nhuận và mức độ tăng thu nhập của các thành viên trong nhà trường” [6]. Tác giả Nguyễn Anh Thái (2008), trong luận án tiến sỹ của mình với đề tài “Hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính đối với các trường đại học ở Việt Nam”, cũng đã đưa ra nhận định “Hiệu quả quản lý tài chính trong các trường đại học ở Việt Nam được đánh giá thông qua một số chỉ tiêu chủ yếu như Tình hình huy động nguồn thu như thế nào? Tỷ trọng các khoản chi có hợp lý hay không? Chênh lệch thu, chi như thế nào? Mức độ nâng cao đời sống của cán bộ nhân viên nhà trường có tăng thêm hay không...?” [3]. Tác giả Nguyễn Minh Tuấn (2015) thì cho rằng “Hiệu quả quản lý tài chính của trường đại học phụ thuộc tương đối nhiều vào khả năng huy động nguồn thu; sự hợp lý của các khoản chi; mức độ thực hiện được thu lớn hơn chi và khả năng ổn định thu nhập của cán bộ, giảng viên trong nhà trường” [2].

Như vậy, có thể xác định các chỉ tiêu đánh giá hiệu lực, hiệu quả quản lý tài chính trong các

CSGDDH tự chủ bao gồm nhiều chỉ tiêu khác nhau nhưng các chỉ tiêu chủ yếu gồm:

*Một là*, Khả năng huy động đa dạng hóa nguồn thu: Chỉ tiêu này phản ánh hiệu quả của việc huy động nguồn thu, gồm thu từ học phí các hệ đào tạo (trình độ tiến sỹ, thạc sỹ, cử nhân chính quy chất lượng cao, đại trà, liên kết, vừa học vừa làm, liên thông...), thu chuyển giao khoa học công nghệ, thu khác... Khi so sánh thường so sánh giữa thực tế với dự toán và thực tế năm nay với thực tế năm trước để xác định chênh lệch.

*Hai là*, Sự hợp lý của cơ cấu các khoản chi: Chỉ tiêu này phản ánh khả năng đạt được mục tiêu phát triển, đầu tư đúng hướng và phù hợp với từng giai đoạn phát triển của cơ sở đào tạo. Khi so sánh thường so sánh giữa tỷ trọng thực tế với dự toán và thực tế năm nay với thực tế năm trước.

*Ba là*, Khả năng đạt được thu lớn hơn chi: Chỉ tiêu này phản ánh hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý tài chính. Khi so sánh thường được so sánh thực hiện với dự toán và thực hiện năm nay với thực hiện năm trước để thấy được mức hiệu quả cụ thể.

*Bốn là*, Khả năng tăng thu nhập cho cán bộ, giảng viên: Chỉ tiêu này phản ánh mức độ tăng cao đời sống vật chất của cán bộ, giảng viên và nhân viên của đơn vị. Khi so sánh thường lấy thu nhập thực tế so với dự toán và thực tế năm nay so với thực tế năm trước để thấy mức độ nâng cao đời sống vật chất của cán bộ, giảng viên và nhân viên trong đơn vị như thế nào.

## **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- [1] Nguyễn Thị Phương Hoa (2009), *Giáo trình quản lý kiểm soát*, Trường đại học Kinh tế quốc dân.
- [2] Nguyễn Minh Tuấn, (2015) “*Tác động của công tác quản lý tài chính đến chất lượng giáo dục đại học - Nghiên cứu điển hình tại các trường đại học thuộc Bộ Công Thương*” luận án tiến sỹ Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

- [3] Nguyễn Anh Thái, “Hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính đối với các trường đại học ở Việt Nam”.
- [4] Nguyễn Minh Thuyết (2020), “Tự chủ đại học- thực trạng và giải pháp cho đại học Việt Nam”.
- [5] Nguyễn Quang Quỳnh (2005), “Giáo trình lý thuyết kiểm toán” Trường Đại học Kinh tế quốc dân.
- [6] Mohamed Hassan Abdullali (2016), *Effect of internal control systems on financial performance of higher education institutions in Puntland*, *International journal of Economics*, Commerce and Management, Vol. IV, Issue 12, pp.774-790.
- [7] Arthur M. Hauptman (2006), “*Financial management in higher education in the US*”, *International Journal of Business and Management*, Vol. 9, No.12, May 2006.
- [8] Herbst (2007), *Financing public university: The case of performance funding*, Springer, Netherlands].
- [9] Oluwale Solanke và Lateef Olatunji (2015), “*Resource allocation in higher education: A case study of selected polytechnics in Nigeria*”, *International Proceedings of Economic Development and Research*, IPEDR Vol.83, IASIT Press, Singapore].
- [10] Weixing Wang (2010), “*The establishment of the internal control frame system of college*”, *International Journal of Business and Management*, Vol. 5, No.5, May 2010.

---

Thông tin liên hệ: **Đinh Thị Kim Xuyên**

Điện thoại: 0917386622 - Email: dtkuyen@uneti.edu.vn

Khoa Kế toán, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp.





